

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU SƠ TUYỂN

Gói thầu:

**Chương trình bảo hiểm xe cơ giới
cho Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí
Minh**

Chủ đầu tư:

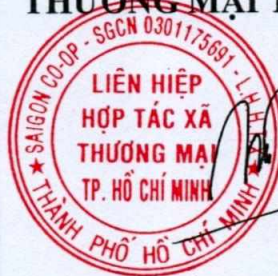
**LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

NĂM 2026

HỒ SƠ MỜI THẦU SƠ TUYỂN

Gói thầu: Bảo hiểm xe cơ giới cho Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại
TP.Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) giai đoạn năm 2026 – 2027.

LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ
THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH



Diệp Hồng Di

**LIÊN HIỆP HTX THƯƠNG MẠI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 14./TB-LH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI THẦU

Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh tổ chức đấu thầu sơ tuyển gói thầu “Bảo hiểm xe cơ giới cho Saigon Co.op giai đoạn năm 2026 – 2027”. Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh kính mời Quý Công ty đến tham gia đấu thầu gói thầu nêu trên.

Nhà thầu tham gia sẽ được nhận (miễn phí) một bộ hồ sơ mời thầu sơ tuyển, tại địa chỉ: Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh, Phòng Hành chánh quản trị và Bảo vệ (lầu 25), số 131 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian phát hành hồ sơ mời thầu sơ tuyển từ: 09 giờ 00 phút, ngày 21 tháng 01 năm 2026 đến trước 09 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 02 năm 2026 (trong giờ làm việc hành chính).

Thời điểm đóng thầu sơ tuyển vào lúc: 09 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại Địa chỉ: Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh, Phòng Hành chánh quản trị và Bảo vệ (Tầng 25), số 131 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hồ sơ dự thầu sơ tuyển sẽ được mở công khai vào lúc: 10 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại Địa chỉ: Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh, Phòng Hành chánh quản trị và Bảo vệ (Tầng 7), số 131 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh kính mời đại diện nhà thầu đến tham dự buổi mở thầu vào thời gian và địa điểm nêu trên (Nhà thầu tham gia dự thầu cử 01 đại diện và kèm theo giấy giới thiệu hợp lệ theo qui định).

Trân trọng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



DIỆP HỒNG DI

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDST

Chương IV. Biểu mẫu mời sơ tuyển và dự sơ tuyển

Chương V. Tóm tắt yêu cầu về dịch vụ

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Saigon Co.op	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh
BDL	Bảng dữ liệu
CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
TBMST	Thông báo mời sơ tuyển
HSMST	Hồ sơ mời sơ tuyển
HSDST	Hồ sơ dự sơ tuyển
VND	Đồng Việt Nam
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/ 6/ 2023, sửa đổi bổ sung ngày 25/6/2025.
Nghị định 214/2025/NĐ-CP	Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Ngày làm việc	Ngày làm việc được quy định là từ Thứ 2 đến Thứ 6 hằng tuần. Không bao gồm Thứ 7, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định của Nhà nước.

MÔ TẢ TÓM TẮT

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDST. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDST, mở thầu, đánh giá HSDST. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với gói thầu.

CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDST

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDST, cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của HSDST;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU MỜI SƠ TUYỂN VÀ DỰ SƠ TUYỂN

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSMST và HSDST.

CHƯƠNG V. TÓM TẮT YÊU CẦU VỀ DỊCH VỤ

Chương này bao gồm thông tin về gói thầu, dự án và các yêu cầu chung về kỹ thuật và phạm vi cung cấp dịch vụ do Chủ đầu tư và tổ chuyên gia chuẩn bị và đính kèm theo HSMST.

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư là Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh quy định tại BDL phát hành bộ HSMST để lựa chọn danh sách ngân. 1.2. Tên gói thầu: gói thầu bảo hiểm xe cơ giới của Saigon Co.op năm 2026 – 2027.
2. Giải thích từ ngữ	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn HSDST theo Thông báo mời thầu. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn tự có của Liên hiệp
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSDST hoặc rút HSDST để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự sơ tuyển và đáp ứng yêu cầu của HSMST nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ HSDST hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 3.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSDST nhằm làm sai lệch kết quả sơ tuyển. 3.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

- b) Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;
- c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
- d) Có tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;
- đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

- a) Tham dự sơ tuyển với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;
- b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMST đối với cùng một gói thầu;
- c) Tham gia đánh giá HSDST đồng thời tham gia thẩm định kết quả sơ tuyển đối với cùng một gói thầu;
- d) Cá nhân thuộc Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình sơ tuyển hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả sơ tuyển hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự sơ tuyển;
- đ) Nhà thầu tham dự sơ tuyển gói thầu bảo hiểm do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định HSMST; đánh giá HSDST; thẩm định kết quả sơ tuyển; giám sát thực hiện hợp đồng;
- e) Đứng tên tham dự sơ tuyển gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;
- g) Nêu điều kiện trong HSMST nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình sơ tuyển, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu,

	bao gồm: a) Nội dung HSMST trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung HSMST, HSDST; nội dung yêu cầu làm rõ HSDST của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDST; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình sơ tuyển; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDST trước khi được công khai theo quy định; c) Kết quả sơ tuyển trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình sơ tuyển được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong HSDST mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của Pháp luật hoặc có quyết định thành lập đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh trong trường hợp là nhà thầu trong nước; có đăng ký hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu mang quốc tịch cấp trong trường hợp là nhà thầu nước ngoài; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc

	trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại BDL; đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; e) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự. 5.2. Chỉ được tham gia trong một HSDST với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận liên danh sơ bộ giữa các thành viên theo Mẫu số 4 chương III, trong đó phải dự kiến phần công việc của từng thành viên, thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh, chữ ký của các thành viên, con dấu (nếu có); trường hợp các thành viên ủy quyền cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự sơ tuyển thì phải nêu rõ trong văn bản thỏa thuận liên danh sơ bộ;
6. Nội dung của HSMST	6.1. HSMST bao gồm TBMST và các nội dung được quy định tại HSMST này cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDST; - Chương IV. Biểu mẫu mời sơ tuyển và dự sơ tuyển; - Chương V. Tóm tắt yêu cầu về dịch vụ. 6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMST, tài liệu giải thích làm rõ HSMST hay các tài liệu sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư. HSMST do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMST, HSMST và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMST, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDST theo yêu cầu của HSMST cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ HSMST	7.1. Trường hợp sửa đổi HSMST thì Chủ đầu tư gửi quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và HSMST đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi HSMST phải được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDST; trường hợp

	không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì Chủ đầu tư sẽ gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMST, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ HSMST trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMST thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm nhận văn bản của nhà thầu để kịp thời làm rõ HSMST theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm nhận các văn bản của Chủ đầu tư để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMST, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDST. Trường hợp xảy ra các sai sót do không nhận kịp thời các văn bản của Chủ đầu tư dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự sơ tuyển bao gồm: thay đổi, sửa đổi HSMST, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự sơ tuyển. 7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMST mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại BDL. Chủ đầu tư gửi thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu cho nhà thầu, tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMST gửi cho các nhà thầu tối đa 02 ngày, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. 7.6. Trường hợp HSMST cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMST theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMST. 7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDST của nhà thầu.
8. Chi phí dự sơ tuyển	HSMST được phát hành miễn phí ngay sau khi Chủ đầu tư thông báo công khai trên website Saigon Co.op và đăng báo thông tin

	đại chúng. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự sơ tuyển. HSDST được nộp trực tiếp hoặc gửi cho Chủ đầu tư quy định tại BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự sơ tuyển của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của HSDST	HSDST cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDST được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDST có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của HSDST	HSDST bao gồm các thành phần sau: 10.1. Đơn dự thầu sơ tuyển theo quy định tại Mục 11 CDNT; 10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 04 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh); 10.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 12 CDNT; 10.4. Các nội dung khác theo yêu cầu quy định tại BDL.
11. Đơn dự thầu sơ tuyển và các mẫu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào đơn dự thầu và các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các biểu mẫu theo quy định tại HSMST để hoàn thành HSDST.
12. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDST trước khi đóng thầu.
13. Thời hạn có hiệu lực của HSDST	13.1. HSDST có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. 13.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDST, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDST. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDST thì HSDST của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDST không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDST. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản.
14. Quy cách HSDST và chữ	14.1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và 02 bản chụp HSDST, ghi rõ “bản gốc” và “bản chụp”. Trường hợp có sửa đổi, thay thế

ký trong HSDST	HSDST thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và 01 bản chụp. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDST SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDST SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDST THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDST THAY THẾ”. 14.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi kết quả cuối cùng thì HSDST của nhà thầu bị loại. 14.3. Bản gốc của HSDST phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự sơ tuyển, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự sơ tuyển hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDST. 14.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDST phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh. 14.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.
15. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDST	15.1. Túi đựng HSDST bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDST, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN". Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDST thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDST, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ SƠ TUYỂN THAY THẾ”. Các túi đựng: HSDST; HSDST sửa đổi, HSDST thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu. 15.2. Thông tin trên các túi đựng HSDST như sau:

	Tên, địa chỉ và số điện thoại của nhà thầu; Tên người nhận là tên Chủ Đầu tư theo địa chỉ quy định tại Mục 15.1 CDNT; Tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT; Tên (các) phần của gói thầu (nếu có) mà nhà thầu đăng ký tham gia theo quy định tại Mục 1.2 CDNT; Ghi dòng chữ cảnh báo “không được mở trước thời điểm đóng sơ tuyển”. 15.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMST này như: không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSMST trong quá trình chuyển đến Chủ đầu tư, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSMST theo hướng dẫn quy định tại Mục 15.1 và Mục 15.2 CDNT. Chủ đầu tư và tổ chuyên môn sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSMST nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên nhằm đảm bảo sự toàn vẹn của HSDST, tránh thất lạc, mất mát.
16. Thời điểm đóng thầu	16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại TBMST. 16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi TBMST. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
17. HSDST nộp muộn	Chủ đầu tư sẽ không xem xét bất kỳ HSDST nào được nộp sau thời điểm đóng sơ tuyển. Bất kỳ HSDST nào mà Chủ đầu tư nhận được sau thời điểm đóng sơ tuyển sẽ bị tuyên bố là HSDST nộp muộn, không hợp lệ, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.
18. Nộp, rút và sửa đổi HSDST	18.1. Nộp HSDST: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDST đối với một TBMST. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDST sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 18.2. Sửa đổi, nộp lại HSDST: Trường hợp cần sửa đổi HSDST đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDST đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDST, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDST mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDST trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSMST (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDST mới cho phù hợp với HSMST được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại HSDST thì

	HSDST đã nộp trước thời điểm HSMST được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá. 18.3. Rút HSDST: nhà thầu được rút HSDST trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút HSDST sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDST thì nhà thầu bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá HSDST. Việc rút HSDST của nhà thầu được lập thành văn bản có xác nhận của Chủ đầu tư và nhà thầu rút HSDST. 18.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDST trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDST nộp đều được mở thầu để đánh giá.
19. Mở HSDST	19.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở HSDST và công khai biên bản mở thầu trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp HSDST, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp HSDST, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. 19.2. Chủ đầu tư tiến hành mở lần lượt HSDST của từng nhà thầu có tên trong danh sách nhận HSMST và nộp HSDST trước thời điểm đóng sơ tuyển theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu. HSDST của nhà thầu có văn bản đề nghị rút HSDST đã nộp và HSDST của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng sơ tuyển sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. 19.3. Biên bản mở thầu được phát hành 01 bản cho các nhà thầu tham dự buổi mở thầu có các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số TBMST; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở HSDST; - Tổng số nhà thầu tham dự. b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu;

	- Thời gian có hiệu lực của HSDST; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
20. Bảo mật	20.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDST được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình sơ tuyển cho tới khi công khai kết quả sơ tuyển. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDST của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu. 20.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDST (nếu cần thiết), nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến HSDST của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả sơ tuyển.
21. Làm rõ HSDST	21.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDST theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong HSDST của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. 21.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDST giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện bằng văn bản. 21.3. Việc làm rõ HSDST chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có HSDST cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá HSDST của nhà thầu theo HSDST nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDST. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDST bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail. Tất cả các thông báo cần làm rõ phải được nhà thầu gửi đến Bên mời thầu chậm nhất thời gian đề cập trong BDL. 21.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDST sau thời điểm đóng thầu. 21.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của

	HSDST hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 21.3 CDNT. 21.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.
22. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	22.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMST. 22.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMST. 22.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMST.
23. Xác định tính đáp ứng của HSDST	Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của HSDST dựa trên nội dung của HSDST theo quy định tại Mục 10 CDNT. Nếu HSDST không đáp ứng yêu cầu của HSMST thì HSDST đó bị loại.
24. Đánh giá HSDST	Quy trình đánh giá HSDST như sau: 24.1. Đánh giá tính hợp lệ và đầy đủ của HSDST theo quy định tại Mục 1 Chương III: - Tổ chuyên gia đánh giá các nội dung về tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu; Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả sơ tuyển thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. 24.2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Tổ chuyên gia đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, hợp đồng tương tự trên cơ sở thông tin kê khai và các tài liệu để chứng minh trong HSDST.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai và tài liệu đính kèm trong HSDST.

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), chủ đầu tư đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai và tài liệu đính kèm trong HSDST của nhà thầu.

24.3. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm trong HSDST, bao gồm:

a) Đối với nghĩa vụ thuế: tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất với thời điểm tham gia gói thầu;

b) Đối với nội dung đánh giá: tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai và tài liệu đính kèm trong HSDST của nhà thầu (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định pháp luật...).

d) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự, tài liệu của thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSDST.

đ) Tài liệu khác (nếu có).

24.4. Nguyên tắc đánh giá HSDST:

a) Đánh giá bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của HSMST thì bên mời thầu sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDST không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDST của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDST. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai theo mẫu Chương IV, đính kèm trong HSDST không đáp ứng yêu cầu của HSMST hoặc nhà

	thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự theo mẫu Chương IV, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMST trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMST thì nhà thầu bị loại; c) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong HSDST không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự, thiết bị (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMST thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu không trung thực trong HSDST nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDST của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; d) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b và c Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên bản gốc và bản chụp thì thông tin trên bản gốc là cơ sở để xem xét, đánh giá; e) Đáp ứng các điều kiện tại Chương V.
25. Điều kiện xét duyệt trúng sơ tuyển	Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng sơ tuyển khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 25.1. Có HSDST hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. 25.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III
26. Hủy thầu sơ tuyển	26.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả HSDST không đáp ứng được các yêu cầu của HSMST; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong HSMST; c) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều

	16 của Luật Đấu thầu; d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu. 26.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 26.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
27. Thông báo kết quả sơ tuyển	Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả sơ tuyển, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả sơ tuyển tới các nhà thầu tham dự sơ tuyển (bao gồm cả nhà thầu trúng sơ tuyển và nhà thầu không trúng sơ tuyển). Các nhà thầu trúng sơ tuyển được mời tham gia đấu thầu.
28. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	28.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà thầu gửi kiến nghị đến Chủ đầu tư, người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại BDL. 28.2. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định của Saigon Co.op.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1	Tên Chủ đầu tư: Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh
CDNT 2	Tên gói thầu: xét chọn danh sách ngắn nhà thầu đạt năng lực kinh nghiệm tham gia chào giá cạnh tranh của gói thầu bảo hiểm xe cơ giới của Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh (Saigon Co.op)
CDNT 3	Nguồn vốn: Ngân sách của Saigon Co.op
CDNT 4	Hội nghị tiền đầu thầu: "Có" hoặc "Không". <i>Trường hợp "Có" thì ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị tiền đầu thầu, số điện thoại của người chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị tiền đầu thầu)</i>
CDNT 5	Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh – tại 131 Điện biên Phủ, phường Gia Định, TP.HCM – SĐT:0911 856 587
CDNT 6	Nhà thầu phải nộp cùng với HSDST các tài liệu sau đây: <i>(tên các tài liệu cần thiết khác mà nhà thầu cần nộp cùng với HSDST theo yêu cầu trên cơ sở phù hợp với quy mô, tính chất của gói thầu và không làm hạn chế sự tham dự sơ tuyển của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thì phải ghi rõ là “không yêu cầu”)</i> .
CDNT 7	Thời hạn hiệu lực của HSDST là: ≥ 60 ngày <i>(theo TBMST)</i> , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 8	Thời điểm đóng sơ tuyển: vào lúc 09. giờ 00. phút, ngày 04 tháng 02 năm 2026. Địa chỉ của Chủ đầu tư (sử dụng để nộp HSDST): Phòng Hành chánh quản trị và Bảo vệ Saigon Co.op, Tầng 25, 131 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh. • Số điện thoại: (028) 38.360.143 – nội bộ: 50196 • Fax: (028) 38.370.560
CDNT 9	- Người có thẩm quyền: Tổng Giám đốc Saigon Co.op + Địa chỉ: 131 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TP. Hồ Chí Minh.
CDNT 10	Được quy định tại Quy chế lựa chọn nhà thầu của Saigon Co.op hiện hành

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDST

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDST

HSDST của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 04 Chương IV.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong phạm vi cung cấp hoặc dịch vụ liên quan hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong phạm vi cung cấp, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

2. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDST hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hằng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDST của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDST, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại HSDST để làm cơ sở đánh giá HSDST. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của ngân hàng VCB tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự sơ tuyển là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 11 Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu liên danh		
			Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng bảo hiểm không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽³⁾ năm (2022, 2023, 2024) tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 400.00.000 VNĐ (Bằng chữ: bốn trăm triệu đồng).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁴⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 04

	đanh) hoặc nhà thầu phụ⁽⁵⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: ít nhất có 01 hạng mục đảm bảo 30% bảo hiểm xe cơ giới; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 120.000.000 VNĐ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Trường hợp gói thầu có nhiều loại dịch vụ khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y.			công việc đảm nhận)	
--	--	--	--	---------------------	--

Ghi chú:

(1) Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu trước khi phê duyệt danh sách ngân. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế hoặc
- Tờ khai thuế và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm 2025) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm 2025, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm 2025 (năm 2024)

(3) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMST thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMST thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm 2025) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm

Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm 2025 (năm 2024)

(4) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(5) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(6) Hợp đồng tương tự:

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều hạng mục dịch vụ, trong đó bao gồm hạng mục bảo hiểm xe cơ giới)

STT	Danh mục dịch vụ	Giá trị được coi là tương tự là 120.000.000 VNĐ (Một trăm hai mươi triệu đồng).
1	Dịch vụ A	
2	Dịch vụ B	
3	Dịch vụ C	
...	...	

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt:

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDST không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMST thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDST của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 08, 09 và 10 Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽¹⁾
1	Người được giao quản lý gói thầu này	01 người	Tối thiểu 05 năm hoặc 01 hợp đồng	- Đại học trở lên; - Có bằng cấp hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo về bảo hiểm.
2	Cán bộ phụ trách bảo hiểm nghiệp vụ bảo hiểm	01 người	Tối thiểu 03 năm hoặc 01 hợp đồng	- Đại học trở lên - Có bằng cấp hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận đào tạo về bảo hiểm. - Kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm xe cơ giới.
3	Cán bộ giám định tổn thất, xử lý và giải quyết bồi thường	02 người	Tối thiểu 03 năm hoặc 01 hợp đồng	- Đại học trở lên - Có bằng cấp hoặc chứng chỉ hoặc chứng nhận đào

				tạo về bảo hiểm. - Kinh nghiệm trong lĩnh vực giải quyết bồi thường bảo hiểm.
--	--	--	--	--

Ghi chú:

(1) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI SƠ TUYỂN VÀ DỰ SƠ TUYỂN

Stt	Biểu mẫu	Trách nhiệm thực hiện	
		Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Phạm vi cung cấp	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu		X
3	Mẫu số 03. Giấy ủy quyền		X
4	Mẫu số 04. Thỏa thuận liên danh		X
5	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự		X
6	Mẫu số 06. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ		X
7	Mẫu số 07. Tình hình tài chính của nhà thầu		X
8	Mẫu số 08. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt		X
9	Mẫu số 09. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt		X
10	Mẫu số 10. Bảng kinh nghiệm chuyên môn		X
11	Mẫu số 11. Danh sách công ty đảm nhận phần công việc của gói thầu		X

PHẠM VI CUNG CẤP

Nhà thầu lập HSDST theo nội dung yêu cầu theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ
1	Bảo hiểm xe cơ giới năm 2026 – 2027	Theo quy định tại Chương V Yêu cầu về kỹ thuật trong HSMST và Phụ lục đính kèm.	01	Trọn gói	Theo quy định tại Chương V Yêu cầu về kỹ thuật trong HSMST

Ghi chú:

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

ĐƠN DỰ THẦU SƠ TUYỂN⁽¹⁾

....., ngày:thángnăm

Tên gói thầu:

Kính gửi:(Tên Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu HSMST, chúng tôi:

Tên nhà thầu:, Mã số thuế.....cam kết tham dự sơ tuyển gói thầu số TBMST.....nếu HSDST của chúng tôi được chấp nhận.

Hiệu lực của HSDST:

(Liệt kê các hạng mục/ thành phần gói thầu nếu có)

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽²⁾;
8. Những thông tin kê khai trong HSDST là trung thực;
9. Trường hợp trúng sơ tuyển, HSDST và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDST tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽³⁾
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDST.
- (2) HSMST không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.
- (3) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 03 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 03 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 04 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại _____

Tôi là _____ [*Ghi tên, số CCCD/CC hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của _____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại _____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho _____ [*Ghi tên, số CCCD/CC hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia sơ tuyển _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án _____ [*Ghi tên dự án*] do _____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn dự sơ tuyển;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia sơ tuyển, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của _____ [*Ghi tên nhà thầu*]. _____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do _____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày _____ đến ngày _____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành _____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ _____ bản, người được ủy quyền giữ _____ bản.

Người được ủy quyền [<i>Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)</i>]	Người ủy quyền [<i>Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu</i>]
---	--

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự sơ tuyển theo quy định tại Mục 10 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia sơ tuyển.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

.....,ngày:thángnăm

Gói thầu:

Thuộc dự án:

Căn cứ hồ sơ mời sơ tuyển gói thầu(tên gói thầu) ngàytháng.....năm(ngày được ghi trên HSMST);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh(ghi tên từng thành viên liên danh)

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Giấy ủy quyền số ngàythángnăm(trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự sơ tuyển gói thầu.....

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác (ghi rõ hình thức xử lý khác).

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các bên nhất trí phân công làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công (tên một bên) làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Đại diện liên danh nộp HSDST cho cả liên danh

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự sơ tuyển, văn bản giải trình, làm rõ HSDST hoặc văn bản đề nghị rút HSDST;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ (%) giá trị ước tính công việc đảm nhận
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp;
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính tỷ lệ giá trị công việc tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng Phạm vi cung cấp tại Mẫu số 01 Chương này; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾

....., ngàythángnăm

Tên nhà thầu:(tên đầy đủ của nhà thầu)

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây: :

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/ dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/ dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ E- mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDST ⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Ghi chú:

- Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMST và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMST.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

- ☐ Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- ☐ Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDST của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMST			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMST/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMST thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau: Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSDST không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMST thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong HSDST nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDST của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt]	[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
2	.	
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT											
Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 9, 10 Chương IV) trước khi phê duyệt danh sách ngân.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]	...	...	...
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Nhà thầu liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Tỷ lệ (%) giá trị ước tính công việc đảm nhận ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự sơ tuyển là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự sơ tuyển không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể tỷ lệ (%) giá trị công việc ước tính của công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu.

Chương V. TÓM TẮT YÊU CẦU VỀ BẢO HIỂM

Chương này gồm thông tin yêu cầu về việc cung cấp dịch vụ, kế hoạch thực hiện của gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn đang thực hiện sơ tuyển.

1. Giới thiệu chung về gói thầu

Nội dung sơ tuyển đưa vào danh sách ngắn thực hiện chào giá cạnh tranh gói thầu “Bảo hiểm xe cơ giới cho Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) năm 2026-2027”.

- Chủ đầu tư: Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.Hồ Chí Minh (Saigon Co.op)
- Nguồn vốn: vốn tự có của Saigon Co.op
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

2. Kế hoạch thực hiện

- Thời gian thực hiện: 12 tháng (từ 01/4/2026 đến 31/3/2027)

4. Địa điểm thực hiện gói thầu và những thông tin liên quan khác

Người được bảo hiểm:	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO.OP) và/ hoặc CO.OP MART và/ hoặc CO.OP FOODS (CÔNG TY TNHH MTV THỰC PHẨM SÀI GÒN CO.OP) và/ hoặc CO.OP FINELIFE (CÔNG TY TNHH MTV CO.OP FINELIFE) và/hoặc CO.OP SMILE (Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Hóa Sài Gòn Co.op) và/hoặc Công ty TNHH MTV Kho Vận Sài Gòn Co.op và/hoặc CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN CO.OP (SCID) và/hoặc Co.op Xtra (bao gồm các đơn vị trực thuộc Group của Co.op Xtra) và/hoặc Sense City (bao gồm các đơn vị trực thuộc Group của Sense City), CÔNG TY TNHH MTV CO.OP FINELIFE và/hoặc bất kỳ công ty con và/hoặc các công ty chi nhánh, văn phòng đại diện, đối tác, cổ đông hoặc nhân viên của công ty được bảo hiểm và/hoặc các bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan
Địa chỉ:	199-205 Nguyễn Thái Học, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh.
Loại hình kinh doanh:	Chủ yếu là hoạt động Siêu thị, vận tải, kho hàng, cửa hàng bán lẻ, sản xuất, đóng gói và các hoạt động phụ có liên quan
Thời hạn bảo hiểm:	12 tháng dự kiến từ 01/04/2026 đến 31/03/2027 (bao gồm cả

	hai ngày này)
Địa điểm bảo hiểm:	Phạm vi lãnh thổ Việt Nam
Loại hình bảo hiểm:	Bảo hiểm xe cơ giới
Đối tượng bảo hiểm:	29 xe - Theo danh sách phụ lục đính kèm
Số tiền bảo hiểm/Mức trách /nhiệm (dự kiến):	13.616.000.000 đồng
Phạm vi bảo hiểm và quy tắc bảo hiểm:	- Quy tắc bảo hiểm theo quy tắc của nhà thầu
Mức khấu trừ:	- Theo quy định của pháp luật.
Phương thức và thời hạn thanh toán phí bảo hiểm	Phương thức: thanh toán 01 lần, Thời hạn: không qua 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
Hợp đồng bảo hiểm	- Hợp đồng bảo hiểm được lập bằng tiếng Việt; - Loại hợp đồng trọn gói. - Đơn vị bảo hiểm là người chịu trách nhiệm duy nhất cho bên được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm khi có tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, kể cả trường hợp đã có tái bảo hiểm (nếu có).
Giải quyết bồi thường trong quá trình thực hiện hợp đồng	Trường hợp liên danh, nhà thầu đứng đầu liên danh thực hiện toàn bộ quy trình, không ủy quyền hoặc giao lại (kể cả một phần) mục này cho thành viên liên danh và đại diện liên danh giải quyết quyền lợi bảo hiểm, thanh toán toàn bộ số tiền bồi thường cho bên được bảo hiểm sau đó phân bổ cho các thành viên trong liên danh theo tỷ lệ đảm nhận đã được thống nhất trong thỏa thuận liên danh
Ưu đãi	Mọi ưu đãi, giảm giá (nếu có) nhà thầu được trừ trực tiếp trên giá dự thầu và có thuyết minh, giải thích đính kèm.
Luật áp dụng	Việt Nam

5. Các yêu cầu khác

A - Phạm Vi Bảo Hiểm Cơ Bản:**Phần 1: Thiệt hại vật chất xe**

Thiệt hại vật chất xe (bao gồm mất cắp toàn bộ, mất cắp bộ phận và thiệt hại động cơ do thủy kích)

- Tổng số tiền bảo hiểm: 13.616.000.000 đồng
- Mức khấu trừ: Không áp dụng trong bất kỳ trường hợp nào.

Phần 2: Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba**Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự bắt buộc:**

- Thương tật thân thể/ vụ/ người: 150.000.000 đồng
- Thiệt hại vật chất/vụ: 100.000.000 đồng

Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự tự nguyện (vượt mức Trách nhiệm dân sự bắt buộc)

- Thương tật thân thể/ vụ/ người VND 200.000.000
- Thiệt hại vật chất/vụ VND 500.000.000
- Tổng mức trách nhiệm cho mỗi lần và cho cả năm bảo hiểm VND 10.000.000.000

Phần 3: Tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe

- Số chỗ ngồi tham gia bảo hiểm : 146
- Số tiền bảo hiểm/vụ/người/chỗ VND100.000.000/ chỗ ngồi

B - Phạm Vi Bảo Hiểm Mở Rộng

1. Chi phí thuê xe trong thời gian sửa chữa xe bị hư hỏng thiệt hại

- Giới hạn bồi thường : 5.000.000 đồng /xe/ngày
- Thời hạn bồi thường : 60 ngày và tổng số ngày cho cả năm bảo hiểm
- Mức miễn thường có khấu trừ cho: 01 ngày cho mỗi vụ tổn thất mỗi vụ tổn thất

2. Sửa chữa ở Garage chính hãng đối với xe hết thời hạn bảo hành và đang sử dụng trên 10 năm kể từ năm sản xuất.

C - Phí Bảo Hiểm/Năm:

- Phí bảo hiểm qui định thanh toán làm 01 kỳ/ từng đợt khi ký Hợp đồng (Theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ)

- Đơn vị bảo hiểm cam kết chào giá bảo hiểm xe với mức phí tốt nhất. Hằng năm, tùy theo mức phí bảo hiểm chung của thị trường giảm thì Đơn vị bảo hiểm sẽ điều chỉnh giảm cho phù hợp.
- Đơn vị bảo hiểm cam kết luôn cập nhật các quyền lợi bảo hiểm cũng như các tiện ích cộng thêm vào chương trình bảo hiểm của Saigon Co.op (không tính thêm phí – nếu có)

D. Giấy tờ pháp lý kèm theo hợp đồng:

- Giấy chứng nhận bảo hiểm/ ấn chỉ được cấp kèm theo Hợp đồng bảo hiểm.

E - Quy Tắc:

- Phần II: Theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ
- Phần I & III: Quy tắc bảo hiểm xe ô tô của Đơn vị bảo hiểm

Gồm nội dung như sau:

❖ Điều kiện mở rộng:

1. Gia hạn thời hạn bảo hiểm với phí bổ sung theo tỷ lệ

Trong trường hợp Saigon Co.op có nhu cầu gia hạn thời hạn bảo hiểm thì sẽ được gia hạn thời gian theo yêu cầu của Saigon Co.op, Đơn vị bảo hiểm sẽ được nhận thêm phí bổ sung tính theo tỷ lệ với tỷ lệ phí đã áp dụng trong thời hạn thời hạn bảo hiểm.

2. Tiền bồi thường đối với Phần 1 - tổn thất vật chất xe

- Bên được bảo hiểm hiểu và đồng ý rằng số tiền bảo hiểm của Phần I (Tổn thất vật chất xe) được xem là giá thị trường thực tế.

- Tiêu chuẩn cho vấn đề trả tiền bồi thường cho bảo hiểm tổn thất vật chất được điều chỉnh như sau:

+ Tổn thất bộ phận: Trường hợp có tổn thất bộ phận, Đơn vị bảo hiểm sẽ bồi thường cho Saigon Co.op toàn bộ số tiền thiệt hại không khấu trừ phí tổn sửa chữa, sơn lại, thay thế mới phụ tùng cũ bị hư hại.

+ Tổn thất toàn bộ: Trường hợp có tổn thất toàn bộ thực tế hoặc tổn thất toàn bộ ước tính (tổn thất tương đương hoặc lớn hơn 70% số tiền bảo hiểm), Đơn vị bảo hiểm chấp nhận bồi thường cho Saigon Co.op toàn bộ số tiền bảo hiểm không khấu trừ như đã nêu trong Hợp đồng bảo hiểm.

+ Đặc biệt: Đơn vị bảo hiểm đồng ý số tiền bảo hiểm vật chất xe theo danh sách xe bảo hiểm đính kèm HSMST. Trường hợp tổn thất toàn bộ xe, thì Đơn vị bảo hiểm đồng ý bồi thường theo giá trị thị trường của xe bị tổn thất hoặc là giá trị đã mua bảo hiểm bất cứ số tiền nào lớn hơn.

3. Tiền bồi thường đối với Phần 3 - Tai nạn lái, phụ xe và người ngồi trên xe

a. Trường hợp tử vong và thương tật vĩnh viễn:

- Tử vong: Chi trả toàn bộ số tiền bảo hiểm được ghi trên Giấy chứng nhận/Hợp đồng bảo hiểm.

- Thương tật vĩnh viễn: số tiền bồi thường bằng tỷ lệ phần trăm của số tiền bảo hiểm ghi trên Giấy chứng nhận/Hợp đồng bảo hiểm

b. Tiền bảo hiểm trường hợp phát sinh chi phí y tế:

- Đơn vị bảo hiểm sẽ chi trả chi phí thuốc men, phẫu thuật, nằm viện mà Bên được bảo hiểm phải gánh chịu trong thời hạn bảo hiểm, với điều kiện các chi phí cho các dịch vụ chuyên nghiệp này phải hợp lý và do các bác sĩ có đủ trình độ chuyên môn và có giấy chứng nhận hành nghề hợp pháp hoặc tại các bệnh viện xác nhận.

- Trường hợp thương tật tạm thời, thương tật vĩnh viễn được liệt kê theo bảng và thương tật vĩnh viễn không được liệt kê theo bảng: chi trả theo chi phí thực tế, tối đa đến 30% số tiền bảo hiểm.

Trong trường hợp Bên được bảo hiểm bị thương tật thuộc phạm vi bảo hiểm đã nhận được bồi thường chi phí y tế từ một Hợp đồng bảo hiểm/nguồn bồi thường khác, Đơn vị bảo hiểm sẽ bồi thường phần chi phí y tế thực tế còn lại vượt quá mức Bên được bảo hiểm đã nhận được nếu có (trong hạn mức chi trả theo Hợp đồng với Đơn vị bảo hiểm). Bên được bảo hiểm cần cung cấp thông tin, văn bản xác nhận về số tiền đã được nhận bồi thường từ Hợp đồng bảo hiểm/nguồn bồi thường khác.

4. Về trách nhiệm chéo

Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng từ ngữ “Bên được bảo hiểm” sẽ được xem xét áp dụng cho mỗi đối tác của Saigon Co.op như nhau như thể chỉ có mỗi đối tác đó và Đơn vị bảo hiểm đồng ý từ bỏ quyền khiếu nại bồi thường có thể chống lại các đối tác đó. (Trong khuôn viên của Công ty hoặc Công ty thành viên). Bên cạnh đó, toàn bộ trách nhiệm của Đơn vị bảo hiểm sẽ không vượt quá mức trách nhiệm đã được ấn định trong Hợp đồng Bảo hiểm.

5. Đối tượng được bảo hiểm (200.000.000 đồng/sự cố và tổng sự cố cho năm bảo hiểm/xe)

- Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng Đơn vị bảo hiểm đồng ý bồi thường tổn thất và hư hại cho tất cả các phụ tùng liên quan tới chiếc xe bao gồm như không giới hạn cho bánh xe dự trữ, áo xe, thùng sơ cứu, bàn số xe, đồ phụ tùng, các cán bảo vệ, cần gạt nước, đèn lái, radio.
- Giới hạn bồi thường bảo hiểm cho các đối tượng này là 200.000.000 đồng cho mỗi và tổng các vụ sẽ được áp dụng trong trường hợp giá trị của các phụ tùng nêu trên chưa được thể hiện trong tổng giá trị được bảo hiểm phần Thiệt hại vật chất xe.

6. Thiệt hại động cơ do thủy kích

- Trên cơ sở yêu cầu và chấp nhận nộp phí của Chủ xe/Người đại diện Chủ xe tham gia bảo hiểm, Đơn vị bảo hiểm nhận bảo hiểm thiệt hại vật chất ô tô theo những quy định sửa đổi, bổ sung như sau:
- Hủy bỏ quy định loại trừ hư hỏng về điện hoặc động cơ do xe hoạt động trong vùng ngập nước
- Mở rộng nhận bảo hiểm trong trường hợp xe ô tô bị thiệt hại động cơ hoặc hư hỏng về điện do lái xe điều khiển xe đi vào vùng ngập nước sẽ được Đơn vị bảo hiểm bồi thường.
- Không áp dụng mức khấu trừ đối với thiệt hại động cơ do thủy kích.

7. Đảm bảo thanh toán phí bảo hiểm 30 (ba mươi) ngày làm việc (Không áp dụng cho phần bảo hiểm Trách nhiệm dân sự bắt buộc)

8. Về mất cắp bộ phận

Cho dù các điều kiện, điều khoản, các điểm loại trừ, các điều khoản bổ sung đính kèm có khác, các bên đồng ý và hiểu rằng, sau khi Saigon Co.op đã đóng khoản phí bảo hiểm bổ sung,

- Đơn vị bảo hiểm đồng ý mở rộng bồi thường cho các tổn thất do mất cắp, mất cướp bộ phận của xe với các điều kiện sau:
- Đơn vị bảo hiểm chịu trách nhiệm bồi thường tối đa không quá 03 vụ/xe/thời hạn bảo hiểm.
- Không áp dụng mức khấu trừ đối với thiệt hại mất cắp bộ phận

9. Về dịch vụ giám định tại garage sửa chữa

Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng, khi Chủ xe tham gia bảo hiểm vật chất xe và khi xe bị thiệt hại (trừ trường hợp tai nạn liên quan tới thiệt hại về người), Đơn vị bảo hiểm đồng ý tổ chức giám định tại xưởng sửa chữa do hai bên thỏa thuận, khách hàng không phải đưa xe về địa điểm của Đơn vị bảo hiểm để thực hiện giám định.

10. Về việc thu thập hồ sơ công an

Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng khi Chủ xe tham gia bảo hiểm vật chất xe, trường hợp hồ sơ vụ tai nạn do cơ quan công an thụ lý, Đơn vị bảo hiểm là đơn vị có trách nhiệm phối hợp với chủ xe thu thập hồ sơ vụ tai nạn từ cơ quan công an.

11. Về cứu hộ khẩn cấp miễn phí trong phạm vi 70km

Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng khi Chủ xe tham gia bảo hiểm vật chất xe, nếu xe ô tô bị hư hỏng không thể tự di chuyển được, Đơn vị bảo hiểm sẽ phối hợp, tư vấn về kỹ thuật để khắc phục. Trong trường hợp xe không thể khắc phục được, Đơn vị bảo hiểm sẽ tổ chức cứu hộ xe miễn phí hộ miễn phí không giới hạn số Km về nơi sửa chữa gần nhất hoặc Garage có liên kết với Đơn vị bảo hiểm. Các chi phí sẽ do Đơn vị bảo hiểm chi trả ngoại trừ các trường hợp hư hỏng xăm, lốp, hết xăng, dầu.

12. Thưởng do không có tổn thất (10% tổng phí bảo hiểm hàng năm)

Các bên thỏa thuận rằng Đơn vị bảo hiểm sẽ thanh toán cho Saigon Co.op một khoản tiền thưởng trị giá 10% trên phí bảo hiểm tự nguyện do không có khiếu nại.

Với điều kiện là:

- a. Không có khiếu nại phát sinh trong thời hạn bảo hiểm.
- b. Việc bảo hiểm này được tái tục với Đơn vị bảo hiểm cho năm bảo hiểm tiếp theo.

13. Điều khoản về nhận thế quyền, đàm phán trực tiếp với Bên thứ ba

Khi xảy ra tai nạn có va chạm với Bên thứ ba, Đơn vị bảo hiểm nhận thế quyền giới hạn trong phạm vi bồi thường vật chất xe ô tô và chịu trách nhiệm nhận ủy quyền của Bên được bảo hiểm để đàm phán trực tiếp với Bên thứ ba, với điều kiện Chủ xe phải thực hiện đầy đủ các thủ tục chuyển quyền thu đòi người thứ ba cho Đơn vị bảo hiểm theo quy định.

14. Về đình công, nổi loạn và bạo động dân sự

Đơn vị bảo hiểm bồi thường cho các tổn thất do đình công, nổi loạn và bạo động dân sự, được hiểu là các mất mát hoặc tổn thất đối với tài sản được bảo hiểm gây ra trực tiếp bởi:

- a. Hành động của bất kỳ người nào bao gồm nhưng không giới hạn nhân viên của Saigon Co.op tham gia với những người khác gây mất trật tự công cộng (dù có liên quan đến việc đình công hay không)
- b. Hành động của bất kỳ cơ quan quyền lực hợp pháp nào nhằm trấn áp hoặc cố gắng trấn áp sự mất trật tự công cộng đó hoặc làm giảm thiểu hậu quả của bất kỳ sự xáo động nào.
- c. Hành động ác ý của bất kỳ công nhân đình công nào nhằm đẩy mạnh đình công hoặc chống lại việc bế xưởng.
- d. Hành động của các cơ quan công quyền hợp pháp trong việc ngăn chặn hoặc cố gắng ngăn chặn các sự cố đó hoặc làm giảm hậu quả sự cố đã gây ra.

15. Thuê xe trong thời gian xe được sửa chữa

Các bên thoả thuận và đồng ý rằng khi Chủ xe tham gia bảo hiểm vật chất xe và đóng thêm phụ phí dưới đây, trường hợp xe bị thiệt hại vật chất thuộc phạm vi bảo hiểm, Đơn vị bảo hiểm sẽ đồng ý trả chi phí thuê xe nếu Chủ xe thuê xe khác để sử dụng trong thời gian xe đang được sửa chữa (không bao gồm thời gian xe bị giam giữ tại cơ quan Công an, thời gian chờ đợi do chưa có phụ tùng thay thế của các đơn vị sửa chữa xe).

Chi phí thuê xe là chi phí thuê chiếc xe cùng công năng sử dụng, chủng loại tương tự chiếc xe được bảo hiểm. Đơn vị bảo hiểm sẽ thanh toán 100% chi phí thuê xe thực tế và hợp lý phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thuê xe, không quá 5.000.000 đồng/ngày và không quá 60 ngày/năm bảo hiểm.

Mức khấu trừ: Đơn vị bảo hiểm trả tiền thuê xe từ ngày thứ hai trở đi tính từ ngày xe được đưa vào sửa chữa.

16. Về thông báo hủy đơn bảo hiểm (60 ngày, không áp dụng cho Trách nhiệm dân sự bắt buộc)

Cho dù các quy định trong đơn có thể khác, việc bảo hiểm này có thể bị hủy bỏ bởi Saigon Co.op bằng cách gửi văn bản thông báo hủy cho Đơn vị bảo hiểm, khi đó Đơn vị bảo hiểm được quyền giữ lại khoản phí bảo hiểm tính theo tỷ lệ cho khoảng thời gian việc bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực.

Tuy nhiên, Đơn vị bảo hiểm không có trách nhiệm hoàn phí theo tỷ lệ như trên đối với những xe mà trong thời hạn bảo hiểm đã được thanh toán bồi thường.

Việc này không áp dụng đối với phần Trách nhiệm dân sự Bắt buộc và tuân theo các điều kiện, điều khoản & điểm loại trừ khác (nếu có).

17. Giá trị thay thế mới

Cho dù các quy định hoặc thỏa thuận có thể khác, việc bảo hiểm này mở rộng bảo hiểm các bộ phận của xe cơ giới tham gia bảo hiểm bị hư hỏng thuộc phạm vi bảo hiểm sẽ được xác định trên cơ sở giá trị thay thế mới. Đơn vị bảo hiểm sẽ bồi thường đầy đủ giá trị thực tế của các bộ phận thay thế mới mà không áp dụng bất kỳ tỷ lệ khấu hao để tính số tiền bồi thường.

18. Mở rộng bảo hiểm cho trường hợp Cháy Nổ do việc sử dụng xăng không đủ tiêu chuẩn

Việc bảo hiểm này được mở rộng để bồi thường cho thiệt hại trong trường hợp Cháy Nổ do việc sử dụng xăng không đủ tiêu chuẩn.

19. Về tự động Tăng – Giảm số lượng xe được bảo hiểm (theo khai báo Quý)

Cho phép tự động bảo hiểm bổ sung đối với tất cả xe mới hoặc xe được thêm vào và những bộ phận được đính kèm với chúng được định nghĩa dưới điều khoản “Đối tượng được bảo hiểm” (nếu được áp dụng) với giá trị bảo hiểm tương đương với các xe hiện được bảo hiểm dưới dạng văn bản, kể từ thời điểm:

1. Saigon Co.op có quyền lợi được bảo hiểm đối với các xe đó, hoặc
2. Quyền sở hữu đối với xe hoặc bộ phận đó được chính thức chuyển giao cho Bên được bảo hiểm, hoặc

Saigon Co.op chịu trách nhiệm pháp lý đối với các xe hoặc bộ phận đó, Saigon Co.op có trách nhiệm thông báo cho Đơn vị bảo hiểm về bất kỳ sự thay đổi nào về số lượng xe trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi có sự thay đổi nêu trên. Tuy nhiên, Saigon Co.op phải thông báo ngay lập tức cho Đơn vị bảo hiểm kể từ thời điểm có sự thay đổi nếu tổng giá trị được bảo hiểm vượt quá 120% của tổng số tiền bảo hiểm ban đầu.

Miễn rằng việc bảo hiểm tự động đối với xe thêm hoặc bớt sẽ không áp dụng đối với:

- Phân Trách nhiệm Dân sự Bắt buộc đối với Bên thứ ba
- Xe hơn 15 năm tuổi (tính từ năm sản xuất đến năm tham gia bảo hiểm)
- Xe có giá trị từ 4.000.000.000 đồng trở lên
- Xe không đủ điều kiện lưu thông bình thường

Phí bảo hiểm bổ sung và/hoặc hoàn lại sẽ được tính trên cơ sở tỷ lệ. Nhưng phí bảo hiểm sẽ không hoàn lại cho những xe đã được thanh toán bồi thường trong thời hạn bảo hiểm

20. Saigon Co.op có quyền bổ sung bất kỳ điều khoản bổ sung theo yêu cầu/nhu cầu phát sinh trong suốt thời hạn bảo hiểm.

21. Miễn trừ giảm trừ bồi thường do lỗi chậm thông báo.

“Không áp dụng chế tài giảm bồi thường khi thông báo tai nạn muộn nếu không làm gia tăng tổn thất.”

22. Bảo hiểm hàng hóa đi kèm trên xe.

23. Mở rộng cho thiết bị chuyên dụng gắn thêm trên xe: “bảo hiểm thiết bị lắp thêm – theo khai báo”.

24. Bồi thường nhanh (Fast-track settlement).

Tổn thất dưới 10 hoặc 15 triệu/xe/vụ → bồi thường nhanh trong 3 ngày làm việc.

25. Hỗ trợ thay thế phụ tùng chính hãng khi khan hàng.

- + Cho phép sử dụng phụ tùng OEM, nhập khẩu chính ngạch
- + Không giảm bồi thường khi phụ tùng chính hãng thiếu hàng

PHỤ LỤC
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	Sản Xuất / Loại Xe	Năm Sản Xuất	Loại xe	Biển Kiểm Soát	Số Khung	Số Máy	Tải Trọng	Số Chỗ Ngồi theo đăng ký	Số Chỗ Ngồi tham gia bh	Giá Trị tham gia BH 2026 - 2027	Kinh doanh vận tải
1	Ford Transit	2016	Xe bán tải	51B-233.43	TGMCGR52324	RATORQ4D243H	0.5	3	3	1,755,000,000	
2	Mitsubishi Outlander	2017	Xe o to	51G-336.59	JMYXTGF3WHZ001483	SK37034B12		7	7	693,000,000	
3	Toyota Fortuner	2013	Xe o to	51A-562.87	RL4ZX69G0D9003750	2TR7554226		7	7	495,000,000	
4	Toyota Fortuner	2013	Xe o to	51A-569.57	RL4ZX69G2D9004012	2TR7575201		7	7	495,000,000	
5	Toyota Fortuner	2013	Xe o to	51A-573.16	RL4ZX69G6D9003705	2TR7552482		7	7	486,000,000	
6	Ford Everest	2013	Xe o to	51A-630.42	RL05DUHMMDBR19988	WLAT1372927		7	7	300,600,000	
7	Ford Everest	2013	Xe o to	51A-648.70	RL05SUHMMMDGR20232	WLAT1376448		7	7	405,000,000	
8	Ford Transit	2013	Xe o to	51B-096.52	RL3MLTGMCDPR29231	D3P06398DURATORQ4D243H		16	16	378,000,000	
9	HYUNDAI SOLATI	2018	Xe o to	51B-276.54	RLUUA37RPJB001108	J612567D4CB		16	16	531,000,000	

10	Ford Everest Titanium	2023	Xe o to	51A - 652.38	MNCRXXMAWRPT43068	P0WSRPT43068		7	7	1,107,000,000	
11	Peugeot Traveller Premium 7S	2023	Xe o to	51A- 555.96	RL4ZR69G4D4016511	2KDU342365		7	7	1,440,000,000	
12	MITSUBISHI	2012	Tài đồng lạnh	51C- 252.53	RLAFE73PEC1000139	4D34N12309	1600	3	3	387,000,000	x
13	MITSUBISHI	2012	Tài đồng lạnh	51C- 254.88	RLAFE73PEC1000146	4D34N27264	1600	3	3	387,000,000	x
14	MITSUBISHI	2012	Tài đồng lạnh	51C- 254.97	RLAFE73PEC1000147	4D34N27321	1600	3	3	387,000,000	x
15	MITSUBISHI	2013	Tài đồng lạnh	51C- 316.10	RLAFE73PED1000090	4D34N56831	1600	3	3	396,000,000	x
16	ISUZU	2013	Tài đồng lạnh	51C- 353.53	RLEFRR90ND7001348	4HK1153354	5300	3	3	520,000,000	x
17	HINO	2009	Tài đồng lạnh	50E- 164.35	RNJFC9JLS9XX12155	J05ETE11594	5000	3	3	350,000,000	x
18	HINO	2009	Tài đồng lạnh	50H- 823.05	RNJFC9JLS9XX12134	J05ETE11565	5000	3	3	350,000,000	x
19	MITSUBISHI	2011	Ô Tô tải (thùng kín)	50H- 791.16	RLAFE73PEB1000067	4D34-M89257	1600	3	3	261,000,000	x
20	MITSUBISHI	2009	Ô Tô tải (thùng kín)	51C- 459.05	RLAFE73PEB1000112	4D34-M45983	1490	3	3	230,000,000	x

21	MITSUBISHI	2011	Ô Tô tải (thùng kín)	51C- 062.60	RLAFE73PEB1000087	4D34-M89940	1600	3	3	261,000,000	x
22	MITSUBISHI	2011	Ô Tô tải (thùng kín)	51C- 062.61	RLAFE73PEB1000056	4D34-M89220	1600	3	3	261,000,000	x
23	MITSUBISHI	2011	Ô Tô tải (thùng kín)	51C- 053.22	RLAFE73PEB1000096	4D34-M89930	1600	3	3	261,000,000	x
24	ISUZU	2007	Ô Tô tải (thùng kín)	50H- 724.84	JAANKR66L77100934	462796	1750	3	3	167,000,000	x
25	ISUZU	2003	Ô Tô tải (thùng kín)	51C- 600.58	JAANKR55L37100101	837516	1450	3	3	250,000,000	x
26	HINO	2008	Ô Tô tải (thùng kín)	50H- 801.56	J05E-TE10159	RNJFC9JLS8XX-10056	5400	3	3	320,000,000	x
27	HINO	2010	Ô Tô tải (thùng kín)	51C- 054.17	J05E-TE12089	RNJFC9JLSAAXX12480	5400	3	3	315,000,000	x
28	HINO/FC9JLSA	2009	Ô Tô tải (thùng kín)	50H- 799.52	RNJFC9JLS9XX12133	J05E-TE11564	5400	3	3	320,000,000	x
29	Toyota Altis	2004	Xe o to	52X- 2244	ZZE122-7504274	1ZZ-1700594		4	4	107,400,000	

